

**CÔNG TY TNHH HUY HIẾU TECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HUY HIẾU TECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301200052

**3. Ngày thành lập:** 17/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 186, Nguyễn Đức Cảnh, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0943226369

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                       | 4329     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                       | 4330     |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                  | 4390     |
| 4.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                               | 4620     |
| 5.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                       | 4631     |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632     |
| 7.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633     |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                 | 4641     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649     |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                  | 4651     |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                   | 4652     |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                               | 4653     |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659     |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663     |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 4669     |
| 16. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690     |
| 17. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711     |
| 18. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719     |
| 19. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4721     |
| 20. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4722     |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4723     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931        |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932        |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933        |
| 25. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101        |
| 26. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 27. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211        |
| 28. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 29. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 30. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 31. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223        |
| 32. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229        |
| 33. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291        |
| 34. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292        |
| 35. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293        |
| 36. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299        |
| 37. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 38. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 39. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 40. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 41. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 42. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761(Chính) |
| 43. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                      | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NÔNG THỊ CHÍNH | Việt Nam  | A218, chung cư Hòa Long Kinh Bắc, đường Âu Cơ, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | 3.000.000.000         | 60,000    | 125830025                                                                                               |         |

|   |                    |             |                                                                                          |               |        |           |  |
|---|--------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | NGUYỄN<br>THỊ THUY | Việt<br>Nam | Số 135, Thiên Đức,<br>Phường Vệ An,<br>Thành phố Bắc Ninh,<br>Tỉnh Bắc Ninh, Việt<br>Nam | 2.000.000.000 | 40,000 | 125217164 |  |
|---|--------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NÔNG THỊ CHÍNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/05/1983

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 125830025

Ngày cấp: 29/07/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú: A218, chung cư Hòa Long Kinh Bắc, đường Âu Cơ, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: A218, chung cư Hòa Long Kinh Bắc, đường Âu Cơ, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh